

# VẤN ĐỀ DÂN SỐ TRONG QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

★ PGS, TS LÊ THỊ THANH HÀ

★ TS BÙI PHƯƠNG ĐÌNH

*Viện Xã hội học và Phát triển,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- **Tóm tắt:** : Bài viết phân tích mối quan hệ dân số, phát triển và quản lý phát triển xã hội bền vững, chỉ ra một số thách thức đang đặt ra từ dân số và phát triển trong bối cảnh hiện nay, qua đó hàm ý chính sách dân số trong quản lý phát triển xã hội bền vững đến năm 2030 và tầm nhìn 2045.
- **Từ khóa:** Dân số; dân số và phát triển; quản lý phát triển xã hội bền vững.

## 1. Mối quan hệ dân số và quản lý phát triển xã hội bền vững

Xã hội tồn tại và phát triển là do hoạt động sản xuất vật chất đáp ứng nhu cầu của con người và về cơ bản có hai loại sản xuất, đó là sản xuất ra của cải vật chất và sản xuất ra chính bản thân con người. Các loại hình sản xuất này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không có sản xuất ra của cải vật chất nuôi sống con người thì cũng không thể sản xuất ra con người và ngược lại không sản xuất ra con người cũng không có lực lượng để sản xuất vật chất. Do đó, sản xuất cái gì, với khối lượng bao nhiêu, đương nhiên là phụ thuộc vào quy mô dân số và nhu cầu của họ, mà nhu cầu này thay đổi phụ thuộc chặt chẽ vào độ tuổi, giới tính (cơ cấu dân số) và quy mô, cơ cấu sản xuất, tiêu dùng phụ thuộc vào quy mô, cơ cấu dân số.

Lịch sử phát triển của xã hội loài người cũng cho thấy, tái sản xuất dân số (quá trình tạo nên sự

biến đổi quy mô và cơ cấu dân số) lại phụ thuộc vào trình độ phát triển của sản xuất vật chất, đặc biệt là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nền sản xuất vật chất dựa trên những công cụ thủ công sẽ đòi hỏi số lượng lao động nhiều hơn là chất lượng lao động, điều này sẽ dẫn đến việc sinh nhiều con. Tuy nhiên, một xã hội phát triển sẽ đòi hỏi chất lượng dân số hơn là số lượng, đây cũng là nguyên nhân, xã hội càng phát triển, mức sinh và tỷ trọng trẻ em giảm.

Giai đoạn trước năm 2007 ở Việt Nam, tốc độ tăng quy mô dân số quá nhanh, số con trung bình của một phụ nữ Việt Nam vào năm 1960 khoảng 7 con<sup>(1)</sup>; “nhịp độ tăng dân số năm 1990 khoảng 2,2%”<sup>(2)</sup>. Tốc độ tăng dân số quá nhanh tạo nên áp lực lớn về đời sống và việc làm, cản trở việc thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của Nhân dân. Vì vậy, chính sách dân số của Việt Nam lúc bấy giờ là đẩy mạnh cuộc vận động

sinh đẻ có kế hoạch (Kế hoạch hóa gia đình) và “Giảm tốc độ tăng dân số là một quốc sách”<sup>(3)</sup>.

Bước vào những năm đầu thế kỷ XX, tốc độ tăng dân số của Việt Nam đã giữ vững. Bên cạnh đó, Việt Nam đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, điều đó đòi hỏi phải nâng cao chất lượng dân số. Vì vậy, sự ra đời của Nghị quyết số 21-NQ/TW (2017) là một trong những “điểm nhấn” quan trọng về công tác dân số trong tình hình mới với mục tiêu: “Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển... Đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển”<sup>(4)</sup>. Điều này đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với quy luật dân số của Việt Nam trong tình hình mới.

Việc chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang chính sách dân số và phát triển đòi hỏi công tác dân số phải tính đến các yếu tố “phát triển” về kinh tế, giáo dục, y tế, môi trường... Ngược lại, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng cần tính đến sự biến đổi nhanh về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số. Trên quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số... sẽ là cơ sở để xây dựng chính sách lao động, việc làm, giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo trợ xã hội,... các chính sách này hỗ trợ nhau, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhưng không thể thay thế cho nhau, bởi mỗi chính sách này có sự độc lập tương đối. Đây cũng là cơ sở để khẳng định: “Công tác dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân”<sup>(5)</sup>.

Phát triển không chỉ đơn thuần là tăng trưởng kinh tế mà còn là tiến bộ về xã hội và sự bền vững về môi trường, nên phát triển thường được đo lường bằng một hệ thống gồm các nhóm chỉ tiêu, như: nhóm chỉ tiêu kinh tế, nhóm chỉ tiêu xã hội,

nhóm chỉ tiêu môi trường. Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu năm 2030 với 17 mục tiêu được cụ thể hóa bằng 169 chỉ tiêu. Tất cả các mục tiêu này đều nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và bảo đảm rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030. Điều này cho thấy, giữa phát triển bền vững và dân số luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Quốc gia không thể phồn vinh, hạnh phúc nếu tỷ trọng dân số đói nghèo, ốm đau, bệnh tật, bất bình đẳng,... còn cao.

Nội dung của quản lý phát triển xã hội bền vững theo Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII là: “Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội...; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển”<sup>(6)</sup>. Chủ trương này cho thấy, nội hàm quản lý phát triển xã hội bền vững hiện nay gồm: (1) Bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; (2) Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (3) Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển. Về nhiệm vụ trọng tâm của quản lý phát triển xã hội, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân... Nâng cao chất lượng dân số; tận dụng hiệu quả cơ hội thuận lợi từ cơ cấu dân số vàng; chủ động thích ứng với xu thế già hóa dân số”<sup>(7)</sup>. Từ nội dung và nhiệm vụ của Văn kiện Đại hội XIII nêu trên cho thấy, thực chất của quản lý phát triển xã hội đều là giải quyết các vấn đề về dân số như thực hiện chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; nâng cao chất lượng dịch

vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân. Những nội dung về quản lý phát triển xã hội bền vững xét đến cùng là giải quyết vấn đề dân số, xây dựng, thực thi hiệu quả chính sách dân số vì hạnh phúc của con người Việt Nam. Nói cách khác, không giải quyết tốt vấn đề dân số thì quản lý phát triển xã hội cũng không thể bền vững.

## 2. Xu hướng biến đổi dân số tác động đến quản lý phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam hiện nay

Một là, quy mô dân số lớn, mật độ dân số cao và phân bố dân số không đồng đều ảnh hưởng đến phát triển bền vững.

Mặc dù hiện nay, mức sinh đã giảm thấp nhưng do bùng nổ dân số kéo dài trước đây nên quy mô dân số Việt Nam vẫn rất lớn và mật độ dân số rất cao (mật độ dân số nước ta cao gấp 5 lần mật độ dân số thế giới, xếp thứ 44 trong tổng số 244 quốc

gia và các vùng lãnh thổ). Năm 2023, dân số của Việt Nam dự kiến sẽ đạt mức 100 triệu dân<sup>(8)</sup>. Với quy mô dân số này tạo nên thị trường kinh tế rộng lớn trong nước và nguồn nhân lực dồi dào. Tuy nhiên, việc bảo đảm an ninh lương thực, năng lượng, nâng cao chất lượng dân số thông qua các dịch vụ y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin, môi trường, an ninh xã hội, an ninh con người gặp nhiều rủi ro. Do vậy, phát triển bền vững ở quốc gia đông dân là sự nghiệp đầy thách thức đối với những người lãnh đạo, quản lý.

Bên cạnh đó, việc phân bố mật độ dân số Việt Nam không đồng đều. Các thành phố lớn thường có mật độ quá cao so với các tỉnh vùng sâu, ví dụ như Thành phố Hà Nội là 2.398 người/km<sup>2</sup>, Thành phố Hồ Chí Minh là 4375 người/km<sup>2</sup>, trong khi tỉnh Lai Châu là 51 người/km<sup>2</sup>; tỉnh Kon Tum là 56 người/km<sup>2(9)</sup>. Do vậy, cần nghiên cứu tác động của những xu hướng di cư dẫn đến tình trạng “siêu tập trung” dân số vào những thành



Hà Nội là thành phố có mật độ dân số cao thứ hai trên cả nước \_ Ảnh: TL

phổ lớn và những vùng phát triển. Di dân không quản lý tốt sẽ tác động tiêu cực đến phát triển bền vững như: (1) Gia tăng đói nghèo, bệnh tật; (2) Làm mất cân đối giữa số dân cư và cơ sở hạ tầng; (3) Ô nhiễm môi trường, chặt phá rừng và tàn phá đa dạng sinh học; (4) Gia tăng bất bình đẳng, gây mất trật tự xã hội và an ninh xã hội; (5) Người già và trẻ em vùng xuất cư có thể bị thiếu sự quan tâm, chăm sóc, ảnh hưởng đến an ninh con người; (6) Phá vỡ quy mô và chuẩn mực gia đình...

*Hai là, xu hướng già hóa dân số và chất lượng dân số thấp.*

Già hóa đang tăng nhanh do tỷ trọng trẻ em giảm và tuổi thọ trung bình của người Việt đang tăng nhanh. Tổng điều tra dân số năm 2019 cho thấy: tỷ trọng dân số cao tuổi trong tổng dân số tăng lên rõ rệt, từ 6,4% (năm 2009) lên 7,7% (năm 2019)<sup>(10)</sup>. Trong 40 năm, từ 1979 đến 2019, dân số tăng lên 1,8 lần thì người cao tuổi tăng lên 3,1 lần. Đặc biệt, nhóm người 80 tuổi trở lên (nhóm dân số đang được hưởng trợ cấp xã hội) - tăng tới hơn 4,6 lần<sup>(11)</sup>. Nếu năm 2019, có khoảng 4 triệu người cao tuổi có nhu cầu hỗ trợ về sức khỏe, thì đến năm 2049 với 32 triệu người cao tuổi sẽ có khoảng 10 triệu người cao tuổi có nhu cầu hỗ trợ về sức khỏe<sup>(12)</sup>. Điều này dẫn tới, Việt Nam sẽ phải chi phí một khoản lớn ngân sách để chữa bệnh cho người cao tuổi (gấp 7 - 8 lần chi phí điều trị cho một đứa trẻ). Nguy cơ đe dọa “vỡ” quỹ hưu trí và bảo hiểm y tế làm cho sự phát triển của đất nước trở nên kém bền vững. Bên cạnh đó là, xung đột thế hệ trong thời kỳ dân số già; sự gia tăng nhanh chóng của dân số cao tuổi còn đặt gánh nặng chăm sóc lên vai các thành viên trẻ tuổi trong gia đình; gia tăng tình trạng góa phụ và độc thân ở người già. Vấn đề này đặt ra cho phát triển bền vững là: thiếu lực lượng lao động có năng suất cao trong tương lai; xã hội có thể tăng đói nghèo, ốm đau, bệnh tật do tỷ trọng người già chiếm phần lớn; bất

binh đẳng và xung đột gia đình tăng; các chuẩn mực trong gia đình thay đổi.

Chất lượng dân số đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của một dân tộc/quốc gia và là mục tiêu của đất nước phồn vinh, hạnh phúc, thường được đo lường bằng chỉ số HDI (Human Development Index). Hiện nay chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam còn thấp (Giá trị HDI năm 2021 xếp thứ 6 trong khu vực Đông Nam Á)<sup>(13)</sup>. Tầm vóc, thể lực của người Việt Nam chậm được cải thiện, trong 30 năm qua chiều cao trung bình của thanh niên Việt Nam chỉ tăng được 3 cm. Việt Nam vẫn là một trong 15 nước có chiều cao thấp nhất thế giới. Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng toàn quốc năm 2019 - 2020 của Viện Dinh dưỡng quốc gia (được thực hiện thường kỳ 10 năm một lần với sự phối hợp của Tổng cục Thống kê và nhiều tổ chức quốc tế... cho thấy tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ học đường (5 - 19 tuổi) còn 14,8% (năm 2010 là 23,4%). Đáng lưu ý, tỷ lệ thừa cân, béo phì tăng từ 8,5% (năm 2010) lên 19% sau 10 năm. Trong đó, khu vực thành thị là 26,8%, nông thôn và 18,3%, miền núi là 6,9%<sup>(14)</sup>. Béo phì, thừa cân hay suy dinh dưỡng đều ảnh hưởng đến chất lượng học tập, khả năng về tư duy, thể chất và lao động, phát triển con người. Tình trạng táo bón, kết hôn cận huyết thông còn nhiều ở một số dân tộc ít người. Việc bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10.000 người còn hạn chế, đặc biệt là những dân tộc thiểu số rất ít người có nguy cơ suy giảm giống nòi (tuổi thọ trung bình của người dân tộc thiểu số hiện nay là 69,9 tuổi, thấp hơn so với tuổi thọ bình quân của cả nước. Đặc biệt, tuổi thọ trung bình thấp nhất là người Chứt, chỉ đạt 45 tuổi<sup>(15)</sup>).

Nhìn chung, trong thời gian tới, vấn đề dân số đặt ra cho quá trình quản lý phát triển xã hội là: “Cơ cấu dân số đã bước vào giai đoạn già hóa;

chênh lệch chỉ số sức khỏe giữa các vùng, miền còn lớn; tầm vóc và thể lực người Việt Nam chậm được cải thiện; mất cân bằng giới tính có xu hướng gia tăng; sắp xếp, bố trí dân cư chưa hợp lý, di dân tự phát diễn biến phức tạp<sup>(16)</sup>.

### **3. Phát triển kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới dân số và phát triển trong quản lý phát triển xã hội bền vững**

Từ nay đến năm 2030 và tầm nhìn năm 2045, Việt Nam phấn đấu trở thành nước công nghiệp hiện đại và nước phát triển, có thu nhập cao, với “tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh”<sup>(17)</sup> cũng sẽ dẫn tới thay đổi quy mô dân số, cơ cấu dân số, vấn đề di cư tăng mạnh, yêu cầu phải tăng nhanh chất lượng dân số và ảnh hưởng tới phát triển bền vững.

*Thứ nhất*, khi quy mô, cơ cấu kinh tế thay đổi, tất yếu dẫn đến cơ cấu lao động, việc làm cũng thay đổi nhanh chóng (tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm, công nhân và lao động dịch vụ tăng nhanh). Điều này đặt ra cho những người lãnh đạo, quản lý cần dự báo chính xác xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội để xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững như Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Trên cơ sở dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội ở nước ta trong những năm tới, xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp”<sup>(18)</sup>.

*Thứ hai*, “Những vấn đề toàn cầu, như: bảo vệ hòa bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường, ... tiếp tục diễn biến phức tạp”<sup>(19)</sup>, ảnh hưởng đến chất lượng dân số, mục tiêu dân số và phát triển bền vững của Việt Nam. Điều đó thể hiện: dịch bệnh Covid-19 đã tạm lắng xuống nhưng luôn có nguy cơ bùng phát trở lại và trong tương lai, rất có thể xuất hiện

những dịch bệnh tương tự trở thành mối đe dọa tới an ninh con người, an ninh xã hội. Đây là vấn đề đặt ra cho quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh xã hội bất thường.

Ngoài ra, những vấn đề về an ninh phi truyền thống, an ninh mạng, thảm họa biến đổi khí hậu, thiên tai, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường, khan hiếm tài nguyên, tị nạn môi trường... đã, đang là vấn đề nổi cộm hiện nay, thậm chí có nguy cơ hủy diệt loài người. Khi an ninh phi truyền thống không được bảo đảm sẽ không nâng cao được chất lượng dân số. Theo đó, mục tiêu xây dựng quốc gia phồn vinh, con người hạnh phúc không thể đạt được, đe dọa mục tiêu phát triển xã hội bền vững.

Các nghiên cứu về góc độ giới cũng cho thấy khoảng 80% số những người chịu các tác động tiêu cực của tình trạng biến đổi khí hậu là phụ nữ<sup>(20)</sup>. Các nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, số phụ nữ và trẻ em tử vong bởi các thảm họa thiên nhiên cao hơn 14 lần so với nam giới<sup>(21)</sup>. Vì vậy, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng dân số mà còn ảnh hưởng tới mục tiêu bình đẳng giới, gia tăng bất bình đẳng trong xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mục tiêu Thiên niên kỷ.

### **4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách dân số và phát triển trong quản lý phát triển xã hội bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Để quản lý phát triển xã hội bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, chính sách dân số và phát triển của Việt Nam cần được hoàn thiện. Cụ thể là:

*Một là*, hoàn thiện chính sách dân số và phát triển theo hướng cần chú trọng: giữ mức tăng quy mô dân số ổn định, điều tiết cơ cấu dân số hợp lý, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số.

Nhà nước điều chỉnh mức sinh giữa các khu vực ở cả nước nói chung và địa bàn các vùng có mức sinh cao hoặc rất thấp giúp ổn định quy mô dân số, duy trì dân số trong độ tuổi lao động luôn ở mức cao cả về số lượng và chất lượng. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của các chính sách về lao động, việc làm, nhà ở, phúc lợi xã hội, giáo dục, y tế,... đến việc sinh ít con. Nhóm dân tộc thiểu số có nguy cơ suy giảm cần can thiệp điều chỉnh mức sinh. Nhóm di cư hỗ trợ mua nhà ở xã hội, thuê nhà ở, ưu tiên vào các trường công lập, hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em...

Xây dựng chính sách dân số và phát triển bổ sung những quy định cấm lựa chọn giới tính thai nhi đối với mọi người dân nhằm hạn chế chênh lệch tỷ lệ giới tính khi sinh, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên. Ban hành quy định bảo đảm sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc; gắn kết quả thực hiện các mục tiêu điều chỉnh mức sinh được giao cho các địa phương với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là đối với người đứng đầu.

Các chính sách về già hóa dân số ở Việt Nam phải được quan tâm, ưu tiên nhằm “thích ứng với quá trình già hóa dân số”<sup>(22)</sup>. Có chính sách tận dụng tốt cơ hội “dân số vàng” hiện nay, giúp dân số già ở những năm 2030 - 2045 có thu nhập ổn định và có điều kiện chăm sóc sức khỏe. Ban hành chính sách lao động việc làm phù hợp để người cao tuổi còn khả năng lao động được tiếp tục tham gia làm việc và cống hiến. Bổ sung, sửa đổi hệ thống chính sách an sinh xã hội đa tầng, bao phủ cho mọi đối tượng, trong đó, chú trọng hệ thống bảo hiểm dưỡng lão và phát huy an sinh gia đình

trong việc chăm sóc người cao tuổi. Xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi. Bổ sung chính sách trợ cấp xã hội cho nhóm người cao tuổi dễ tổn thương và tiến tới một hệ thống trợ cấp xã hội phổ cập cho mọi người cao tuổi.

Điều chỉnh chính sách y tế, giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dân số và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, tức là tập trung phát triển cả về thể lực, trí lực và tâm lực của người dân. Theo đó, cần có chính sách xây dựng các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số bằng cách lập danh sách theo dõi, quản lý đối tượng trong độ tuổi sinh đẻ để tư vấn, động viên trực tiếp tại các hộ gia đình nhằm hạn chế tỷ lệ trẻ em sinh ra bị mắc các dị tật bẩm sinh. Triển khai chương trình kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, phát triển đào tạo nghề. Có chính sách chú trọng giáo dục trẻ em từ sớm, từ mẫu giáo, tiểu học bằng cách nâng cao chất lượng giáo viên, đổi mới chương trình và cơ sở vật chất giáo dục hiện đại.

Nhà trường chú ý giáo dục toàn diện, phát triển trẻ em cả trí tuệ, nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ và phát triển giáo dục thể chất, giáo dục giới, giáo dục sức khỏe tâm lý, dinh dưỡng học đường: “Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để tăng cường sức khỏe của nhân dân”<sup>(23)</sup>. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Đào tạo chất lượng dân số theo hướng con người Việt Nam có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo, hội nhập quốc tế; có sức khỏe, có lối sống lành mạnh, có lý tưởng, có khát vọng vươn lên làm giàu và hạnh phúc.

Nâng cao hiệu quả truyền thông về dân số và phát triển qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông xã hội và các hoạt động truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ công tác viên, tuyên truyền viên, nhân viên y tế thôn bản. Mở rộng các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi với sự tham gia tích cực, chủ động của mọi thành phần xã hội. Xây dựng và củng cố mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, đặc biệt là mạng lưới kiểm soát các bệnh mãn tính.

Chất lượng dân số phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng gia đình. Do vậy, cần có chính sách để các cặp vợ chồng đều phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con cái, đặc biệt là giáo dục từ sớm, từ lúc còn là bào thai trong bụng mẹ cho đến suốt quá trình đi học và trưởng thành. Các bậc cha mẹ có trách nhiệm xây dựng môi trường gia đình lành mạnh, yêu thương, không bạo lực, xâm hại, thiếu quan tâm đến con cái. Gia đình cần là nơi các thành viên tìm về khi gặp khó khăn, hoặc mất cân bằng tâm lý - tình cảm trước những áp lực cuộc sống. Để làm tốt điều này, Nhà nước cũng cần có chính sách tạo điều kiện cho người chồng (được nghỉ phép khi vợ sinh, con ốm, giờ đưa đón con đi học,...) nhằm thể hiện vai trò của mình trong xây dựng gia đình hạnh phúc; khuyến khích những gia đình chăm sóc con cái tốt, chất lượng nguồn nhân lực cao; tuyên dương bố, mẹ nuôi con khỏe, dạy con ngoan, gia đình hạnh phúc, là tiền đề hướng tới quốc gia hạnh phúc.

Hai là, xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với chính sách dân số và phát triển vì mục tiêu phát triển xã hội bền vững. Mục tiêu dân số và phát triển chỉ có thể thành công khi kinh tế tăng trưởng cao, xã hội ổn định, an ninh con người, an ninh xã hội, an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường... được kiểm soát. Vì vậy, cần tăng trưởng kinh tế để cải thiện các điều kiện về

giáo dục, y tế, giảm tỉ suất chết sơ sinh, cải thiện chế độ dinh dưỡng cho các gia đình có mức thu nhập thấp, cải thiện quá trình phân phối lợi ích về vật chất để thỏa mãn các nhu cầu về tinh thần cho các nhóm xã hội. Đây là cơ sở, tiền đề để điều chỉnh quy mô dân số, thích ứng với già hóa dân số và đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số.

Các doanh nghiệp, tổ chức phát triển kinh tế cần gắn các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với chính sách dân số nhằm điều tiết tình trạng di cư, tích tụ dân số và phân bố dân cư không hợp lý. Gắn phát triển cơ cấu, quy mô kinh tế với tận dụng cơ cấu “dân số vàng” hiệu quả. Các doanh nghiệp tích cực kết hợp với các tổ chức phi lợi nhuận cung ứng các dịch vụ xã hội (ví dụ: xây dựng mô hình nhà dưỡng lão...) cho chính sách dân số và phát triển. Ngoài ra cần tăng cường vai trò quản lý, kiểm soát của Nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm cung cấp thực phẩm sạch, dịch vụ y tế tốt, giữ gìn môi trường trong lành,... nâng cao chất lượng dân số. Nhà nước có chính sách và biện pháp mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân số với các nước, đặc biệt là các nước phát triển nhằm tranh thủ hỗ trợ về tài chính và học tập về chuyên môn sử dụng hiệu quả cơ cấu “dân số vàng”, thích ứng với già hóa dân số, kỹ năng nâng cao trình độ và chăm sóc sức khỏe người dân, tư vấn và truyền thông giáo dục dân số.

Nhìn chung, để quản lý phát triển xã hội đạt mục tiêu bền vững trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam không thể không giải quyết những thách thức dân số đang đặt ra. Vì vậy, cần thực hiện hiệu quả quan điểm chỉ đạo của Văn kiện Đại hội XIII: “Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, tận dụng và phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời, chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, gắn với nâng cao chất lượng

nguồn nhân lực, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh<sup>24</sup>). Theo đó, cần triển khai hiệu quả, đồng bộ các giải pháp nêu trên bởi chúng có quan hệ biện chứng chặt chẽ và thống nhất với nhau, cộng lực cùng nhau nhằm đạt mục tiêu quản lý phát triển xã hội bền vững ❖

- (1) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021, tr.126.
- (2), (3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.31, 76.
- (4), (5) Ban Chấp hành Trung ương Đảng: *Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới*, ngày 25/10/2017.
- (6), (16) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.330, 71.
- (7), (17), (18), (19), (22), (23), (24) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.47-48, 108, 148, 106-107, 266, 153, 151.
- (8) Nguồn: <https://danso.org/viet-nam/>, ngày đăng 16/3/2023, truy cập ngày 16/3/2023.
- (9) Nguồn: <https://danso.org/viet-nam/>, ngày đăng 16/3/2023, truy cập ngày 16/3/2023.
- (10) Xem Tổng cục Thống kê: *Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, <https://www.gso.gov.vn/su-kien/2019/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/>, truy cập ngày 25/02/2023.
- (11) Nguyễn Đình Cử, Lê Minh Chiến, Nguyễn Thị Nguyệt Hà: *Bàn về phương hướng nghiên cứu dân số và phát triển ở nước ta hiện nay*, trong sách: *Vấn đề dân số trong phát triển bền vững*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2022, tr.59.
- (12) Xem Hoàng Lan: *Dân số Việt Nam đang già nhanh: “Chưa giàu thì đã già”*, <https://plo.vn/suc-khoe/dan-so-viet-nam-dang-gia-nhanh-chua-giau-thi-da-gia-977668.html>, ngày 08/4/2021, truy cập ngày 13/5/2023.
- (13) Minh Tiến: *Chỉ số phát triển con người của Việt Nam đứng thứ mấy trong khu vực Đông Nam Á?*, <https://khoa họcphattrien.vn/tin-tuc/chi-so-phat-trien-con-nguoi-cua-viet-nam-thap-hon-muc-binh-quan-chung-dong-nam-a/2022040102472988p1c882.htm>, truy cập ngày 25/3/2023.
- (14) Nguyễn Đình Cử: *Chất lượng dân số Việt Nam - thành tựu và thách thức*, <https://danso.hcm.gov.vn/tin-tuc/tin-tuc-chuyen-nganh/7823/chat-luong-dan-viet-nam-thanh-tuu-va-thach-thuc/>, 019/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/, truy cập ngày 25/02/2023.
- (15) Nguyễn Quang Hải, Hoàng Phương Liên: *Thực trạng và giải pháp giảm thiểu hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số*, <http://tapchidantoc.ubdt.gov.vn/>, truy cập ngày 25/3/2023.
- (20) Lan Phương: *Hội nghị COP26: Bình đẳng giới để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu*, ngày 02/11/2021, <https://baotintuc.vn/the-gioi/hoi-nghi-cop26-binh-dang-gioi-de-giam-thieu-tac-dong-cua-bien-doi-khi-hau-20211102173601563.htm>, truy cập ngày 26/02/2022.
- (21) Skinner, E.: *“Gender and Climate Change Overview Report”*, Institute of Development Studies, UK, 2011.